

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4910 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý
khẩn cấp sự cố sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu,
huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung Công văn số 12515/UBND-NN ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu, huyện Thọ Xuân do ảnh hưởng của bão số 3 năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3852/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 07/12/2016 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Thanh Hóa.

4. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục khẩn cấp sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu, xã Thọ Nguyên; xử lý dứt điểm tình trạng sạt lở, nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

5. Nội dung, quy mô đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Chỉ tiêu thiết kế: Chiều dài tuyến kè thiết kế $L = 418$ m; cao trình đỉnh kè (+10.30) m; hệ số mái kè $m = 2,5 \div 2,75$; cao trình đỉnh chân kè (+4.50) m; chiều rộng đỉnh chân kè $B = 7$ m; hệ số mái chân kè $m = 2$.

b) Giải pháp kỹ thuật:

- Về hướng tuyến: Cơ bản tuyến kè thiết kế bám theo tuyến đê hiện tại, điểm đầu tuyến kè tại K24+142, điểm cuối tuyến kè tại K24+550.

- Tuyến kè:

+ Chân kè: Đối với đoạn từ K24+142÷K24+392 giữ nguyên chân kè bằng đá hộc thả rồi đã được thi công năm 2015 thuộc công trình xử lý khẩn cấp sự cố nứt, sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+392 đê hữu sông Chu, xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân; đoạn từ K24+392÷K24+655,8 chân kè bằng lăng thể tựa đá hộc thả rồi, đỉnh lăng thể tựa bằng đá hộc lát khan dày trung bình 30 cm.

+ Mái kè: Bóc bỏ đá lát thân kè cũ, gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm, trong hệ khung dầm (dầm chân, đỉnh và dọc mái kè) chia ô bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250; bên dưới cấu kiện bê tông là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương.

+ Đỉnh kè: Dọc theo chiều dài tuyến kè, đỉnh kè bố trí đường rộng $B = 1,5$ m. Mặt đường được gia cố bằng bê tông thường (BTT) M250 dày 20 cm dưới lớp 1 lớp nilon tái sinh và 1 lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; mái đê từ đỉnh kè đến đỉnh đê được trồng cỏ chống xói lở.

+ Tại vị trí K24+397,6 trên tuyến kè bố trí bậc lên xuống rộng $B = 4,5$ m; kết cấu bằng BTT M200.

- Tuyến đê:

+ Đắp áp trực và mở rộng mặt đê theo mặt cắt thiết kế bằng đất đào kè tận dụng, đất đắp được đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$, mái đê được trồng cỏ chống xói lở; mặt đê mở rộng được gia cố bằng một lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm. Dọc theo tuyến đê thiết kế mặt đê cứ 10 m chôn 1 cọc tiêu ở cao 2 mép đê so le nhau, kết cấu cọc tiêu bằng BTCT M200 kích thước (12x12x102,5)cm.

+ Dốc lên xuống đê phía đông tại K24+509,3 kết hợp làm đường thi công và quản lý vận hành. Mặt dốc được gia cố bằng BTT M250 dày 20 cm dưới lớp 1 lớp ni lông tái sinh và 1 lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 15 cm.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

7. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp I (theo Quyết định số 606/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

8. Tổng mức đầu tư: 9.982,0 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng	8.698,4 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án	189,1 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	641,4 triệu đồng;
Chi phí khác	453,1 triệu đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện xử lý sự cố về đê điều do bão số 3 năm 2016 và mưa lũ gây ra.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2016-2017.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

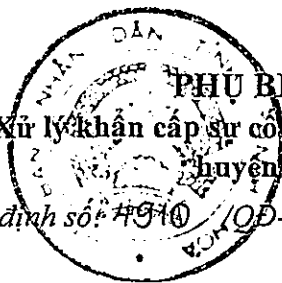
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê đoạn từ K24+142÷K24+550 đê hữu sông Chu,
huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí xây dựng (Gxd)		8.698,4
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	$2,391\% \times \text{Gxd}$	189,1
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		641,4
3.1	Chi phí khảo sát địa hình	Chi tiết	91,469
3.2	Chi phí khảo sát địa chất	Chi tiết	92,042
3.3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$2,979\% \times \text{Gxd}$	257,050
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,079\% \times \text{Gxd}$	163,083
3.5	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	$20\% \times \text{Gqlđ}$	37,814
4	Chi phí khác		453,1
4.1	Chi phí hạng mục chung	Chi tiết	260,952
4.2	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	$0,121\% \times \text{Gxd}$	9,568
4.3	Chi phí thẩm định dự toán	$0,117\% \times \text{Gxd}$	9,252
4.4	Chi phí bảo hiểm công trình	$1,03\% \times \text{Gxd}$	89,594
4.5	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$0,019\% \times \text{TMĐT}$	1,900
4.6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,65\% \times \text{TMĐT}$	71,500
4.7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước	Tạm tính	10,320
	Tổng cộng		9.982,0